

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2024.

(Về việc: Tranh chấp ly hôn)

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đà Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Lan

Bà Vũ Thị Hương

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thái Bình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:* bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 228/2024/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Tổ I, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình - Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Xóm N, xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt không có lý do).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2024 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L đã tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 11 năm 2021. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, hay có những lời nói xúc phạm vợ và bố mẹ vợ. Đỉnh điểm mâu thuẫn là đầu tháng 7 năm 2024 vợ chồng to tiếng cãi vã anh L đã đánh và bóp cổ chị N đồng thời có những lời lẽ đe dọa.

Đến nay chị N thấy không còn tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N, anh L xác nhận không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về công nợ chung: Chị N, anh L xác nhận vợ chồng không vay nợ chung của tổ chức, cá nhân nào, do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N đề nghị giải quyết án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn L:*

Theo bản tự khai của anh Nguyễn Văn L ngày 02/8/2024, anh L khai anh L và chị Nguyễn Thị N có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 18/11/2021 tại UBND xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống anh L cho rằng vợ chồng chỉ có chút mâu thuẫn nhỏ, không đến mức phải ly hôn. Anh vẫn còn rất yêu thương vợ mình. Tuy hai vợ chồng sống ly thân một thời gian nhưng chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý. Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Anh L và chị N không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến đã thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vắng mặt không có lý do cho thấy anh L không có hành động thiết thực muốn hàn gắn tình cảm.

Anh L đã được Tòa án triệu tập, giao văn bản tố tụng hợp lệ, được giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã H nơi anh Nguyễn Văn L đăng ký thường trú. Kết quả xác minh cho thấy: anh Nguyễn Văn L đăng ký thường trú và cư trú tại xóm N, xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú, khu dân cư X, xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, đại diện khu dân cư cho biết anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng hợp pháp. Vợ chồng chị N và anh L tính cách không hợp nhau, cả hai đã từng một lần ly hôn, hiện không còn chung sống với nhau. Nguyên nhân cụ thể chỉ biết do khác biệt tính cách và mỗi người làm việc một nơi không quan tâm đến nhau nữa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:*

- **Về tố tụng** : Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71. Bị đơn không thực hiện đúng các

quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS. Phiên tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn dù đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**- Về nội dung:**

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N; xử cho chị Nguyễn Thị N1 được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị N và anh L không có con chung nên không yêu cầu giải quyết về con chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về tài sản chung: Chị N và anh L khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về công nợ chung: Chị N và anh L khai không vay nợ chung, không đề nghị giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng:**

Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố H, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng. Việc giải quyết, xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng đã bảo đảm các quy định tại Điều 207, Điều 208, Điều 209, Điều 210; Điều 227, 228, 238, 254 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng là các Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đã bảo đảm đúng các quy định tại Điều 173, 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự về cấp, tổng đạt, niêm yết công khai văn bản tố tụng.

Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của

pháp luật. Ngoài ra, hiệc hoãn phiên tòa lần thứ nhất cũng đã bảo đảm quy định tại Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm quyền được tham gia tố tụng của bị đơn.

**[2] Về nội dung vụ án:**

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 11 năm 2021 trên cơ sở tự nguyện. Do vậy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống, thiếu sự tôn trọng trong cách ứng xử giữa vợ chồng. Thực tế vợ chồng đã ly thân nhiều tháng, anh L mặc dù đã nhận được thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải. Vợ chồng mâu thuẫn nhưng cả hai không có mong muốn hòa giải, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng. Vợ chồng dù mới sống ly thân một thời gian nhưng mỗi người một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần liên hệ nhưng anh L không muốn cùng chị N giải quyết. Hai vợ chồng không có con chung không có tài sản chung, không có công nợ chung và quan trọng nhất là không có tiếng nói chung, không có hành động thiết thực thể hiện mong muốn tiếp tục hôn nhân. Chị N cũng không còn tình cảm với anh L vì cho rằng bị bạo hành, bị anh L xúc phạm đến bố mẹ đẻ của chị nên đề nghị giải quyết ly hôn đơn phương theo quy định của pháp luật.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại. Nguyên nhân ly hôn do mâu thuẫn về cách ứng xử trong hôn nhân, khác biệt về tính cách. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Văn L là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

**[2] Về con chung:** Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[3] Về tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[4] Về công nợ chung:** Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[5] Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định

của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm a, b khoản 2 Điều 227, 228, 238, 254; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử:***

#### ***1. Về quan hệ hôn nhân:***

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

***2. Về con chung, tài sản chung và công nợ chung:*** Chị N và anh L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***3. Án phí:*** Chị Nguyễn Thị L1 phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000495 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình chuyển thành án phí cho chị Nguyễn Thị N.

***4. Về quyền kháng cáo:*** Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND thành phố Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Hòa Bình;
- UBND xã Hợp Thành (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Đà Giang**

